

CÔNG TY TNHH HERMES
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HERMES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HERMES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HERMES CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107301024

3. Ngày thành lập: 18/01/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6 ngõ 92 đường Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
4.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý vé máy bay	5229
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7.	Cơ sở lưu trú khác	5590
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Bán buôn tổng hợp	4690
11.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
12.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
13.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
14.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
15.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
16.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

19.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
20.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
21.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
22.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
23.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
24.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
25.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
26.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
27.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
30.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
31.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
32.	Phá dỡ	4311
33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
35.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
36.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
37.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
38.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
40.	Bán mô tô, xe máy	4541
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
43.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa	4610
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
45.	Bán buôn gạo	4631
46.	Bán buôn thực phẩm	4632

47.	Bán buôn đồ uống	4633
48.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
49.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641(Chính)
50.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
51.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
55.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
56.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
57.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
58.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
59.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ gia hạn visa	8299
63.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
64.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
65.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
66.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
67.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
68.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm)	7020
69.	Quảng cáo	7310
70.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
73.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Tìm kiếm, tuyển chọn và thay thế lao động	7810
74.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
75.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
76.	Đại lý du lịch	7911
77.	Điều hành tua du lịch	7912
78.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

